

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; cư trú tại thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T; cư trú tại thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1993 nhưng đến ngày 25 tháng 6 năm 2004 mới

làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ ông Lê Văn T ở thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Từ năm 2011 đến tháng 07 năm 2020, ông Lê Văn T phải chấp hành hình phạt tù và kể từ sau khi ông Lê Văn T trở về địa phương sinh sống, vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Lê Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị Hồng Q - sinh năm 2001 và Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011; con chung Lê Thị Quỳnh T hiện do bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Lê Thị H đề nghị Tòa án giao con chung Lê Thị Quỳnh T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà và ông Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các con chung Lê Thị N, Lê Thị Hồng Q đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Lê Văn T trước yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T; về con chung, giao con chung Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993, Lê Thị Hồng Q - sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Lê Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Lê Thị H và ông Lê Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 6 năm 2004. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Lê Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn T có 03 con chung Lê Thị N - sinh năm 1993; Lê Thị Hồng Q - sinh năm 2001 và Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011. Ly hôn bà Lê Thị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Lê Thị Quỳnh T cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; ông Lê Văn T vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo các con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy điều kiện nuôi con chung của các bên là ngang nhau, con chung Lê Thị Quỳnh T đang được bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nên để con chung có cuộc sống ổn định và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao con chung Lê Thị Quỳnh T cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Ly hôn bà Lê Thị H có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do bà và ông Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm bà Lê Thị H đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên

được chấp nhận; việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993, Lê Thị Hồng Q - sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Quỳnh T - sinh ngày 31 tháng 10 năm 2011 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các con chung Lê Thị N - sinh năm 1993, Lê Thị Hồng Q - sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Lê Thị H đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012798 ngày 08 tháng 10 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã T, huyện A;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch